TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Mai Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: F, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: H đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông H không cùng bà chăm lo kinh tế trong gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Trong thời gian vợ

chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, chỉ nội bộ vợ chồng biết, không có báo chính quyền địa phương để can thiệp mâu thuẫn vợ chồng và cũng không lần nào chính quyền địa phương mời hai vợ chồng lên làm việc về mâu thuẫn của vợ chồng. Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Mai Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/9/2012. Bà D yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện bà làm nghề tự do (buôn bán) thu nhập mỗi tháng khoảng 25 triệu đồng, có nhà cửa ổn định, đồng thời trong thời gian vợ chồng ly thân 02 con chung đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất phần trình bày của bà D về thời gian vợ chồng tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân được 01 năm. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, chỉ nội bộ vợ chồng biết, không có báo chính quyền địa phương để can thiệp mâu thuẫn vợ chồng và cũng không lần nào chính quyền địa phương mời hai vợ chồng lên làm việc về mâu thuẫn của vợ chồng. Tại phiên tòa ông thay đổi lời khai, ông xác định trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, không có thời gian ly thân, ông vẫn còn tình cảm với bà D nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Mai Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/9/2012. Do ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Hiện ông làm công nhân của Công ty TNHH H1, địa chỉ: H đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi tháng thu nhập khoảng 30 triệu đồng. Hiện ông không có nhà cửa và ông đang sinh sống trong công ty.

Quá trình tố tụng, ông H xác định trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân, 02 con chung sinh sống cùng với bà D, hàng tháng ông cũng góp tiền cho bà D để nuôi các con. Trong thời gian các con sinh sống cùng với bà D, ông thấy các con vẫn phát triển tốt, khỏe mạnh, học đạt loại giỏi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Mai Thị D khởi kiện ông Nguyễn Văn H. Ông H đang sinh sống tại H đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/01/2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Bà Mai Thị D xác định sau một thời gian chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, ông H không cùng bà chăm lo kinh tế trong gia đình, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, không có thời gian ly thân. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, chính ông H cũng xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân được 01 năm nay. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của ông bà không mang lại hạnh phúc cho nhau, tình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/9/2012. Bà D yêu cầu sau ly hôn trực tiếp nuôi 02 con chung. Còn ông H có ý kiến, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì 02 con chung ông yêu cầu nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Trong quá trình vợ chồng ly thân, 02 con chung đều do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông H thừa nhận trong khoảng thời gian này bà D vẫn chăm sóc các con tốt về mọi mặt, bên cạnh đó ông H hiện chưa có nhà cửa ổn định, đồng thời nguyện vọng của các con chung đều mong muốn ở cùng với bà D. Cho nên, bà D yêu cầu nuôi 02 con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: bà Mai Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Mai Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị D về việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/2007).

- Về con chung: ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm giao 02 con chung là cháu Nguyễn Mai Quỳnh A, sinh ngày 14/01/2008 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/9/2012 cho bà Mai Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị D không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Mai Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003846 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy